

Bản án số: 337/2024/DS-ST

Ngày: 05- 9 - 2024.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đàm Vân.
- Ông Vũ Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2024/QĐHPT-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: Số B N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Đoàn Diệu T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: B L (Lâu B), Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Võ Anh S, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số C C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Tường H, sinh năm
- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm
- Trẻ Phan Thị Ngọc T1, sinh năm 2004
- Trẻ Phan Thị Ngọc Y, sinh năm 2007
- Trẻ Phan Thị Ngọc N, sinh năm 2015

Cùng trú địa chỉ: Số C Đ, Tổ A, Khu phố F, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2024 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ có bà Đoàn Diệu T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi tắt Ngân hàng Đ) và ông Võ Anh S đã cùng ký kết hợp đồng tín dụng số 0504/2022/HĐTD/PVB-PGD.VVT ngày 05/4/2022, vay số tiền là 3.275.000.000 đồng, mục đích vay dùng vay hoàn vốn mua bất động sản, thời hạn vay là 300 tháng, lãi suất vay 11,6%/năm và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/4/2022 với L thẻ Hạng chuẩn (Smart – CRCG0800 – Primary), hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng, ngày phát hành 25/4/2022, ngày hết hạn là ngày 30/4/2025, lãi suất là 25%/năm.

Để đảm bảo khoản vay, ông Võ Anh S thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 533, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại địa chỉ số C Đ, Tổ A, Khu phố F, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận số BC 844922, số vào sổ cấp GCN CH 00882 do UBND huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/12/2010 cấp nhập biên động chuyển nhượng cho ông Võ Anh S ngày 31/3/2022. Tài sản này được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 0504/2022/HĐTD/PVB-PGD.VVT ngày 05/4/2022, được công chứng tại văn phòng C, số công chứng 002117, quyền số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD; và được đăng ký đảm bảo ngày 05/4/2022 tại Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ, ông Võ Anh S đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, do đó Ngân hàng Đại chúng đã gửi Thông báo số 8026/TB0PVB ngày 27/10/2023 về việc vi phạm nghĩa vụ và thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay của ông Võ Anh S.

Nay, Ngân hàng Đại chúng yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Võ Anh S thanh toán cho Ngân hàng Đại chúng tạm tính đến hết ngày 05/9/2024 số tiền 4.003.096.071 đồng. Trong đó: Hợp đồng tín dụng là 3.925.992.797 đồng (nợ gốc là 3.165.780.972 đồng, lãi trong hạn 677.143.434 đồng, lãi quá hạn 30.958.316 đồng, lãi chậm trả 52.110.075 đồng và T2 tín dụng là 77.103.274 đồng (nợ gốc 49.454.425 đồng, nợ lãi 27.648.849 đồng).

Lãi phát sinh kể từ ngày 05/9/2024 theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 0504/2022/HĐTD/PVB-PGD.VVT ngày 05/4/2022, khế ước nhận nợ ngày 06/4/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/4/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Võ Anh S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ vốn và lãi phát sinh thì Ngân hàng Đại chúng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 533, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại địa chỉ số C Đ, Tổ A, Khu phố F, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận số

BC 844922, số vào sổ cấp GCN CH 00882 do UBND huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/12/2010 cập nhập biến động chuyển nhượng cho ông Võ Anh S ngày 31/3/2022. Tài sản ngày được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 0504/2022/HĐTD/PVB-PGD.VVT ngày 05/4/2022, được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 002117, quyển số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD; và được đăng ký đảm bảo ngày 05/4/2022 tại Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

Toàn bộ số tiền thu được việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Võ Anh S tại Ngân hàng Đại chúng. Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán hết nợ thì ông Võ Anh S vẫn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Đại chúng cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến Tòa để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng các đương sự đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện uỷ quyền của Ngân hàng Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Võ Anh S và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Võ Anh S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm. Quá trình sử dụng bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay số tiền còn thiếu và yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Đại chúng yêu cầu bị đơn ông Võ Anh S trả số tiền nợ hợp đồng tín dụng và thẻ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Bị đơn ông Võ Anh S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Xét Giấy ủy quyền số 798/UQ-PVB ngày 23/01/2024 của Ngân hàng Đại chúng ủy quyền cho bà Đoàn Diệu T tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, tại kết quả xác minh của Công an P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nêu “*Đương sự ông Võ Anh S, sinh năm 1969 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 3 C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện không còn thực tế cư trú tại địa phương, không rõ nơi cư trú*”. Căn cứ khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “*đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú*”. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Xét, bị đơn ông Võ Anh S và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Trường H2, bà Nguyễn Thị H1, trẻ Phan Thị Ngọc T1, trẻ Phan Thị Ngọc Y và trẻ Phan Thị Ngọc N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Hợp đồng cho vay số 0504/2022/HĐTD/PVB-PGD.VVT ngày 05/4/2022, Bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, khế ước nhận nợ ngày 06/4/2022 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/4/2022, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0504/2022/HĐBĐ/PVB-PGD.VVT ngày 05/4/2022 của Ngân hàng Đại chúng với ông S được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0504/2022/HĐTD/PVB-PGD.VVT ngày 05/4/2022

[2.1.1] Xét, yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0504/2022/HĐTD/PVB-PGD.VVT ngày 05/4/2022 và khế ước nhận nợ ngày 06/4/2022, có cơ sở xác định ông Võ Anh S có vay của ngân hàng số tiền 3.275.000.000 đồng. Đối chiếu bản sao kê do ngân hàng cung cấp ngày 05/9/2024 cho thấy, từ ngày nhận nợ đến nay, ông Võ Anh S đã trả được nợ gốc là 109.219.028 đồng. Như vậy, bị đơn còn thiếu số tiền gốc là 3.165.780.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 3 của Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng Đại chúng khởi kiện yêu cầu trả số nợ gốc là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1.2] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Theo khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 0504/2022/HĐTD/PVB-PGD.VVT ngày 05/4/2022 và khế ước nhận nợ ngày 06/4/2022 của Ngân hàng Đ áp dụng lãi suất trong hạn là *“Từ ngày 06/4/2022 đến ngày 05/7/2022 lãi suất cố định bằng 11,6%/năm; Từ ngày 06/7/2022 đến hết thời hạn vay: Lãi suất cho vay = LSCS + 3,5%/năm, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần”*.

Ngân hàng áp dụng lãi quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ là *“150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng không được Bên vay trả nợ đúng hạn”* và tiền lãi chậm trả *“10%/năm hoặc một mức lãi suất khác do Ngân hàng quyết định áp dụng đối với khoản lãi đến hạn nhưng không được bên va trả lãi đúng hạn”*. Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: *“Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng”*. Xét thấy, đến kỳ hạn trả nợ phía bị đơn không trả được nợ nên nguyên đơn yêu cầu chuyển toàn bộ dư nợ hiện có của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định về chuyển nợ quá hạn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng N1 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng tiền đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, nên Ngân hàng là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi tính đến ngày 05/9/2024 là: lãi trong hạn là 677.143.434 đồng và lãi quá hạn là 30.958.316 đồng.

Do bị đơn không thực hiện đúng theo thỏa thuận nên bị đơn phải trả lãi suất chậm trả theo khoản 2.2 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 0504/2022/HĐTD/PVB-PGD.VVT ngày 05/4/2022 và khế ước nhận nợ ngày 06/4/2022 của Ngân hàng Đại chúng với số tiền là 52.110.075 đồng là phù hợp và

không trái với quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ Thẻ tín dụng:

[2.2.1] Căn cứ bản khai do Ngân hàng cung cấp ngày 05/9/2024 của Ngân hàng Đại chúng cho thấy ông S đã giao dịch bằng thẻ tín dụng Hạng chuẩn (S – CRCG0800 – Primary) số 538742****3645 từ ngày 25/4/2022 đến ngày 25/5/2023, ngày đến hạn thanh toán là ngày 10/6/2023 số tiền nợ gốc là 49.454.425 đồng. Căn cứ Mục 5 của Phụ lục 1 của Điều khoản và điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định “ Bên vay phải chủ động thanh toán các khoản gốc, lãi phí và các nghĩa vụ thanh toán khác cho P1 trước 16h00 của ngày đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ ...” Như vậy, ông S không thanh toán số tiền đã thực hiện giao dịch là vi phạm thoả thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông S phải thanh toán số tiền nợ gốc.

[2.2.2] Theo mục 1.13 Phụ lục 2 và mục 20.4 Phụ lục 2 của Điều khoản và điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có quy định của Ngân hàng Đại chúng áp dụng tính lãi quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với loại thẻ tín dụng quốc tế mà ông S đang sử dụng là “*áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại*”, như vậy theo thoả thuận ông S phải chịu lãi suất quá hạn kể từ ngày 11/6/2023 đến ngày 05/9/2024 (Ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử) là 27.648.849 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi ông S thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Hợp đồng cho vay số 0504/2022/HĐTD/PVB-PGD.VVT ngày 05/4/2022, Bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, khế ước nhận nợ ngày 06/4/2022 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/4/2022 của Ngân hàng Đ.

[4] Về thời hạn thanh toán: Do bị đơn ông Võ Anh S vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định trong hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng thời gian nợ quá lâu đã ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét, nguyên đơn yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ:

Căn cứ Điều 7, Điều 8 của Hợp đồng thế chấp số 0504/2022/HĐTD/PVB-PGD.VVT ngày 05/4/2022, được công chứng tại văn phòng C, số công chứng 002117, quyền số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD; và được đăng ký đảm bảo ngày 05/4/2022 tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Ngân hàng Đ và ông S quy định trường hợp các bên vi phạm hợp đồng tín dụng, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào

thì Ngân hàng Đại chúng được quyền xử lý tài sản bảo đảm của người thế chấp để thu hồi nợ. Xét thấy, kể từ ngày giải ngân đến nay ông S thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ đối với Ngân hàng Đ đã làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của ông S là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 533, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại địa chỉ số C Đ, Tổ A, Khu phố F, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận số BC 844922, sổ vào sổ cấp GCN CH 00882 do UBND huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/12/2010, cập nhập biến động chuyển nhượng cho ông Võ Anh S ngày 31/3/2022 để thu hồi nợ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng về xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận*”. Do yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Căn cứ khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*”. Như vậy, ông S phải có trách nhiệm hoàn trả ngay số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 (Mười triệu) đồng cho nguyên đơn.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Buộc bị đơn ông Võ Anh S có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tính đến ngày 05/9/2024 là 4.003.096.071 (Bốn tỷ, không trăm lẻ ba triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi một) đồng. Trong đó: Hợp đồng tín dụng là 3.925.992.797 (Ba tỷ, chín trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi bảy) đồng (nợ gốc là 3.165.780.972 (Ba tỷ, một trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, chín trăm bảy mươi hai) đồng, lãi trong hạn 677.143.434 (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, bốn trăm ba mươi bốn) đồng, lãi quá hạn 30.958.316 (Ba mươi triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm mười sáu) đồng, lãi chậm trả 52.110.075 (Năm mươi hai triệu, một trăm mười nghìn, không trăm bảy mươi lăm) đồng và T2 tín dụng quốc tế là 77.103.274 (Bảy mươi bảy triệu, một trăm lẻ ba nghìn, hai trăm bảy mươi bốn) đồng (nợ gốc 49.454.425 (Bốn mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm hai mươi lăm) đồng, nợ lãi 27.648.849 (Hai mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi chín) đồng).

1.2 Tiền lãi phát sinh sẽ được tiếp tục tính từ ngày 06/9/2024 cho đến khi ông S thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 0504/2022/HĐTD/PVB-PGD.VVT ngày 05/4/2022, Bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, khế ước nhận nợ ngày 06/4/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/4/2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ với ông Võ Anh S.

1.3 Trường hợp ông Võ Anh S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 533, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại địa chỉ số C Đ, Tổ A, Khu phố F, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận số BC 844922, số vào sổ cấp GCN CH 00882 do UBND huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/12/2010, cập nhập biến động chuyển nhượng cho ông Võ Anh S ngày 31/3/2022 để thu hồi nợ.

1.4 Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông S vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

2. Về chi phí tố tụng là 10.000.000 (Mười triệu) đồng, ông Võ Anh S có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm là 112.003.096 (Một trăm mười hai triệu, không trăm lẻ ba nghìn, không trăm chín mươi sáu) đồng, ông Võ Anh S phải chịu.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 52.782.342 (Năm mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn ba

trăm bốn mươi hai) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002223 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự khác có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Lan